

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Lý thuyết xác suất và thống kê toán học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Văn Dũng

2. Ngày tháng năm sinh: 06/09/1979; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Cẩm Hưng, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 60, Đường Chơn Tâm 2, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Lê Văn Dũng, Số nhà 60, Đường Chơn Tâm 2, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0935110108;

E-mail: lvdunght@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,2001 đến tháng, năm 11,2009: Giáo viên tại Trường THPT Hà Huy Tập

Từ tháng, năm 01,2010 đến tháng, năm 11,2014: Giảng viên tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Từ tháng, năm 12,2014 đến tháng, năm 04,2020: Giảng viên, Trưởng Bộ môn tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Từ tháng, năm 05,2020 đến tháng, năm 08,2021: Giảng viên, Phó Trưởng Khoa Toán tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng Khoa Toán; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ cơ quan: 459 Tôn Đức Thắng, Hòa Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 22 tháng 09 năm 2001, số văn bằng: B0330749, ngành: Toán học, chuyên ngành: Sư phạm Toán; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Vinh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 17 tháng 10 năm 2008, số văn bằng: A043117, ngành: Toán học, chuyên ngành: Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Vinh, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 25 tháng 12 năm 2014, số văn bằng: QT000949, ngành: Toán học, chuyên ngành: Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQG Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Đà Nẵng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các định lý giới hạn trong lý thuyết xác suất và ứng dụng trong thống kê toán học

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 10 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 4 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 24 bài báo khoa học, trong đó 16 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sĩ thi đua	Bộ Giáo dục và Đào Tạo	2013
2	Chiến sĩ thi đua	Bộ Giáo dục và Đào Tạo	2019
3	Chiến sĩ thi đua	Đại học Đà Nẵng	2011

4	Chiến sĩ thi đua	Đại học Đà Nẵng	2012
5	Chiến sĩ thi đua	Đại học Đà Nẵng	2013
6	Chiến sĩ thi đua	Đại học Đà Nẵng	2017
7	Chiến sĩ thi đua	Đại học Đà Nẵng	2018
8	Chiến sĩ thi đua	Đại học Đà Nẵng	2019
9	Chiến sĩ thi đua	Đại học Đà Nẵng	2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Tâm huyết với nghề, giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hòa nhã với sinh viên, học viên.
- Tận tụy với công việc; thực hiện đúng nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục đại học công lập và các quy định pháp luật của ngành.
- Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.
- Khách quan trong đào tạo, liêm chính trong nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của giảng viên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 10 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghệ ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015 - 2016			3		285		285/526,8/224
2	2016 - 2017			3		195	165	360/640,3/224
3	2017 - 2018			1	2	330		330/582/232
03 năm học cuối								
4	2018 - 2019				5	285	300	585/1133,8/256
5	2019 - 2020		1	3		315	105	420/790,2/256
6	2020 - 2021				2	195	105	300/541,9/256

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế số bằng: E0148993; năm cấp: 2019

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Thị Thúy Quỳnh		X	X		12/2014 đến 06/2015	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	11/11/2015
2	Lê Trần Phương Thanh		X	X		12/2014 đến 06/2015	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	11/11/2015

3	Phan Thị Nhạn		X	X		06/2015 đến 12/2015	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	12/05/2016
4	Nguyễn Thị Huyền My		X	X		02/2016 đến 08/2016	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	19/12/2016
5	Lê Thị Tuyết Nhưng		X	X		02/2016 đến 08/2016	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	19/12/2016
6	Nguyễn Thị Phương Thảo		X	X		02/2016 đến 08/2016	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	19/12/2016

7	Võ Tuyết Nhung		X	X		03/2017 đến 09/2017	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	16/11/2017
8	Lương Thị Mỹ Hạnh		X	X		11/2019 đến 05/2020	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	16/10/2020
9	Phan Tường Vũ		X	X		10/2019 đến 04/2020	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	05/06/2020
10	Phan Thị Thanh Tuyền		X	X		10/2019 đến 04/2020	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	05/06/2020

11	Trần Đông Xuân	X			X	01/2018 đến 07/2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	19/07/2021
----	----------------	---	--	--	---	------------------------	---	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Giáo trình xác suất thống kê	GT	NXB Thông tin Truyền thông, năm 2016	1	CB		41031/QĐ-ĐHSP
2	Giáo trình thống kê toán	GT	NXB Thông tin Truyền thông, năm 2019	3	CB		889/QĐ-ĐHSP

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	ĐT: Một số dạng luật số lớn cho dãy biến ngẫu nhiên nhiều chỉ số nhận giá trị trong không gian Banach	CN	T2010-03-01, cấp Cơ sở	01/01/2010 đến 31/12/2010	06/12/2010/ Xếp loại: Tốt
2	ĐT: Nghiên cứu luật mạnh số lớn cho dãy biến ngẫu nhiên nhiều chỉ số	CN	Đ2011-03-06, cấp Cơ sở	01/01/2011 đến 31/12/2011	6/11/2011/ Xếp loại: Tốt
3	ĐT: Nghiên cứu hội tụ đầy đủ đối với mảng các biến ngẫu nhiên	CN	Đ2012-3-18, cấp Cơ sở	01/01/2012 đến 31/12/2012	22/12/2012 Xếp loại: Tốt

4	ĐT: Nghiên cứu xây dựng chương trình môn học Xác suất thống kê phục vụ dạy học tăng cường tiếng Anh tại Đại học Đà Nẵng	CN	Đ2013-03-48BS, cấp Cơ sở	01/12/2013 đến 30/11/2014	30/11/2014/ Xếp loại: Tốt
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
5	ĐT: Định lý giới hạn trung tâm theo trung bình và ứng dụng	CN	B2016.ĐNA.26, cấp Bộ	01/01/2016 đến 31/12/2017	21/11/2018/ Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								

1	Marcinkiewicz-Zygmund type law of large numbers for double arrays of random elements in Banach spaces	4	Có	Lobachevskii Journal of Mathematics/ISSN: 1995-0802	x - ESCI IF: 0.56	3	30, 4, 337-346	10/2019
2	Weak laws of large numbers for double arrays of random elements in banach spaces	1	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ISSN: 0251-4184	x - ESCI IF: 0.67	2	35, 5, 387-398	09/2010
3	Mean convergence theorems and weak laws of large numbers for double arrays of random elements in Banach spaces	2	Có	Bulletin of the Korean Mathematical Society	x - SCIE IF: 0.502	2	47, 3, 467-482	09/2010
4	Strong laws of large numbers for random fields in martingale type p Banach spaces	2	Có	Statistics & Probability Letters / ISSN: 0167-7152	x - SCIE IF: 0.87	4	80, 9-10, 756-763	05/2021

5	Định lí hội tụ theo trung bình đối với mảng nhiều chiều các đại lượng ngẫu nhiên	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng / ISSN: 1859-1531			47, 6, 21-26	11/2011
6	Convergence of double series of random elements in Banach spaces	2	Không	Journal of the Korean Mathematical Society / ISSN: 0304-9914	x - SCIE IF: 0.583	2	49, 5, 1053-1064	10/2012
7	Rate of complete convergence for maximums of moving average sums of martingale difference fields in Banach spaces	3	Không	Statistics & Probability Letters / ISSN: 0167-7152	x - SCIE IF: 0.87	3	82, 11, 1978-1985	11/2012
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
8	L1 bounds for some martingale central limit theorems	3	Có	Lithuanian Mathematical Journal / ISSN: 0363-1672	x - SCIE IF: 0.519	4	54, 1, 48-60	03/2014

9	Complete convergence in mean for double arrays of random variables with values in Banach spaces	3	Không	Applications of Mathematics / ISSN: 0862-7940	x - SCIE IF: 0.881	2	59, 2, 177-190	04/2014
10	Về định lý giới hạn trung tâm theo trung bình đối với dãy hiệu Martingale	3	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng / ISSN: 1859-1531			82, 9, 88-91	09/2014
11	Xấp xỉ phân phối chuẩn đối với dãy hiệu unordered martingale	2	Có	Tạp chí Khoa học & Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm – ĐH Đà Nẵng / ISSN: 1859 - 4603			14, 1, 1-6	03/2015
12	Sử dụng phân tích nhân tố nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh	3	Có	Tạp chí Khoa học & Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm – ĐH Đà Nẵng / ISSN: 1859 - 4603			19, 2, 8-11	06/2016

13	Luật mạnh số lớn đối với tổng ngẫu nhiên có trọng số các biến ngẫu nhiên độc lập có kì vọng vô hạn	2	Có	Tạp chí khoa học & Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng /ISSN:1859 - 4603			23, 2, 1-4	06/2017
14	On convergence of moving average series of martingale differences fields taking values in Banach spaces	3	Không	Communications in Statistics-Theory and Methods / ISSN: 0361-0926	x <i>IF:</i> 0.893		47, 22, 5590-5603	11/2018
15	Luật số lớn đối với tổng ngẫu nhiên có trọng số các biến ngẫu nhiên độc lập đôi một có mô men cấp r vô hạn	3	Có	Tạp chí khoa học - Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng /ISSN: 1859 - 4603			30, 4, 66-72	12/2018
16	Weak Laws of Large Numbers for sequences of random variables with infinite rth moments	3	Có	Acta Mathematica Hungarica / ISSN: 0236-5294	x - SCIE <i>IF: 0.623</i>	2	156, 2, 408-423	12/2018

17	Weak laws of large numbers for weighted coordinatewise pairwise NQD random vectors in Hilbert spaces	3	Có	Journal of the Korean Mathematical Society / ISSN: 0304-9914	x <i>IF:</i> 0.583	1	56, 2, 457-473	03/2019
18	On the rate of convergence in some mean martingale central limit theorems	2	Có	Tạp chí khoa học - Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng / ISSN: 1859 - 4603			16, 5, 66-72	11/2019
19	On the rate of convergence in the central limit theorem for arrays of random vectors	2	Có	Statistics & Probability Letters / ISSN: 0167-7152	x - SCIE <i>IF:</i> 0.87		158	03/2020
20	On the almost sure convergence for sums of negatively superadditive dependent random vectors in Hilbert spaces and its application	3	Không	Communications in Statistics-Theory and Methods / ISSN: 0361-0926	x - SCIE <i>IF:</i> 0.893	3	49, 22, 2770- 2786	06/2020

21	Convergence in mean and central limit theorems for weighted sum of martingale difference random vectors with infinite r th moments	3	Có	Statistics / ISSN: 0233-1888	x - SCIE IF: 1.051		55, 2, 386-408	04/2021
22	Central Limit Theorems for Weighted Sums of Dependent Random Vectors in Hilbert Spaces via the Theory of the Regular Variation	2	Không	Journal of Theoretical Probability / ISSN: 0894-9840	x - SCIE IF: 0.888		Online: 24/2/ 2021	02/2021
23	Convergence in probability for the estimator of nonparametric regression model based on pairwise independent errors with heavy tails	4	Không	Tạp chí Khoa học- Công nghệ Đại học Duy Tân /ISSN: 1859-4905			45, 2, 51-57	03/2021

24	Complete moment convergence for m-ANA random variables and statistical applications	2	Có	Journal of Statistical Computation and Simulation /ISSN: 0094-9655	x - SCIE IF: 1.424	Chấp nhận: 26/7/2021	08/2021
----	--	---	----	--	------------------------------	-------------------------	---------

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 6 ([8] [16] [17] [19] [21] [24])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

Không có

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Chương trình đào tạo Sư phạm Toán	Tham gia	Số 315/QĐ-ĐHSP ngày 25/02/2021	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	Quyển Chương trình đào tạo Sư phạm Toán 2021	Thư ký

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không

đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Đà Nẵng, ngày 17 tháng 08 năm 2021

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)